

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Nguyễn Thị Thu H; nơi cư trú: Số 18/29 TV, phường TL, quận HB, Hải Phòng;

Anh Khúc Văn B; nơi cư trú: Số 68A KH, phường ĐH 2, quận HA, Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Khúc Văn B và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phạm Hồng Thái, quận Hồng Bàng, Hải Phòng vào ngày 16/01/2010. Theo anh chị xác nhận: Quá trình chung sống giữa vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng về mọi mặt trong đời sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung khiến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể Hn gần. Anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Anh B và chị H đều nhận thấy không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân nên cả hai cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị

là phù hợp với thực trạng mâu thuẫn cũng như đời sống hôn nhân nên có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung Khúc GL, sinh ngày 15/5/2011 và Khúc GH, sinh ngày 25/7/2014. Anh chị thống nhất thỏa thuận: Khi ly hôn, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sinh hoạt và học tập hiện tại cũng như nguyện vọng của con chung nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B và chị H thống nhất thỏa thuận: Hằng tháng, anh B có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ (năm triệu đồng) đối với 02 con chung (2.500.000đ/01 con chung/tháng), kể từ tháng 01/2021 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Anh B và chị H xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh B và chị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập B bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Khúc Văn B và chị Nguyễn Thị Thu H cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao hai con chung Khúc GL, sinh ngày 15/5/2011 và Khúc GH, sinh ngày 25/7/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh B và chị H thống nhất thỏa thuận: Hằng tháng, anh B có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ (năm triệu đồng) đối với 02 con chung (2.500.000đ/01 con chung/tháng), kể từ tháng 01/2021 đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hình án của người được thi Hình án cho đến khi thi Hình án xong tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi Hình án.

- Về tài sản chung: Anh B và chị H xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh B và chị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh B và chị H đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi Hình án dân sự quận Hải An theo B lai thu số 0017789 ngày 07 tháng 01 năm 2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hình và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tHnh phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA Dân sự quận Hải An;
- UBND phường Phạm Hồng Thái, quận Hồng Bàng, Hải Phòng ;
- Các đương sự;
- Lưu:Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Cường

